

Lao động tự do; Bố: Nguyễn Đình C (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị V1 (đã chết); Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; Đều trú tại: Cẩm Đ, Cẩm G, Hải Dương. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm ngày 22/9/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Hải Dương, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:* Luật sư Phạm Khắc D – Văn phòng luật sư Á Đông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương, (có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình H:* Luật sư Phạm Thị T2, luật sư Nguyễn Đình Q – Công ty Luật TNHH La Défense thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt Luật sư Q);

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình H do Tòa án chỉ định là Luật sư Trần Trung K-Văn phòng luật sư Á Đông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Clark Material Handling Việt Nam, địa chỉ tại Km 38, Quốc lộ 5, xã Cẩm P, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là công ty Clark) chuyên lắp ráp, sản xuất xe nâng, nhãn hiệu Clark, hoạt động từ tháng 2/2019. Ngày 28/9/2019, Công ty Clark ký hợp đồng bảo vệ với Công ty dịch vụ bảo vệ Ba S (sau đây gọi tắt là công ty Ba S), địa chỉ số 22/207, phố Điện Biên P, thành phố Hải D. Theo Hợp đồng, Công ty Ba S có nhiệm vụ và quyền hạn giữ gìn bảo vệ an toàn tài sản và an ninh trật tự, không để những người, phương tiện không có nhiệm vụ vào trong công ty Clark; chịu trách nhiệm bồi thường 100% về mất mát tài sản của Công ty Clark theo biên bản bàn giao giữa hai bên.

Công ty Ba S phân công nhiệm vụ cho 05 nhân viên bảo vệ do Nguyễn Đình L1 làm tổ trưởng, trong đó: L1 cùng 02 người khác làm bảo vệ theo giờ hành chính từ 7 giờ đến 17 giờ hàng ngày; Vũ Thị L2 và Phạm Văn T3 làm bảo vệ ca đêm từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Quá trình làm việc tại Công ty Clark, L1, T3 và L2 thấy việc quản lý linh kiện sản xuất xe nâng của Công ty Clark sơ hở: các linh kiện không được để trong kho có khóa mà để ở sân xung quanh nhà xưởng, buổi tối nhân viên của Công ty về hết, chỉ còn lại nhân viên bảo vệ, nên đã bàn bạc về việc lấy linh kiện xe nâng gồm: đối trọng, càng nâng, bánh xe mang đi bán lấy tiền chia nhau.

Từ khoảng cuối tháng 02/2021, L1 và L2 gặp Phạm Văn T làm nghề thu mua sắt vụn, nói với T về việc L1 và L2 đang làm bảo vệ tại Công ty Clark, trong công ty có nhiều cục đối trọng xe nâng để ngoài sân, buổi tối chỉ có bảo vệ ở công ty, T muốn mua thì L1 bán cho với giá sắt vụn. T chỉ cần thuê xe tải đến

công ty thì L1 và L2 sẽ mở cổng để xe vào lấy. T đồng ý và cho L1 số điện thoại để liên lạc. Sau đó, T thuê Nguyễn Đình H là người có xe tải BKS 34C-100.65, khi L1 hoặc L2 thông báo lấy được tài sản của Công ty Clark thì T báo cho H biết để H điều khiển xe ô tô vào công ty chở tài sản mang đi.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến 13/5/2021, T, L2, L1, T3, H nhiều lần lấy cục đối trọng, càn nâng và bánh xe nâng của công ty Clark mang đi bán. Trước khi lấy tài sản, L2 hoặc L1 gọi điện thoại cho T hẹn thời gian đến lấy, sau đó T gọi điện cho H đến công ty để chở hàng. Khi H điều khiển ô tô đến công ty Clark, L2 mở cổng để xe ô tô tải BKS 34C-100.65 của H vào, sau đó ngồi ở cổng canh gác để L1, T3, T và H lấy hàng đưa lên ô tô. Để tránh sự phát hiện của công ty, L2, T3 ngắt điện để hệ thống Camera giám sát trong công ty không hoạt động được. Việc đổ xe ở vị trí nào, lấy tài sản gì là do L1 và T3 chỉ cho T. Do H biết lái xe nâng nên T nhờ H điều khiển xe nâng có sẵn ở công ty để nâng, chuyển các linh kiện trộm cắp lên thùng xe tải. Những lần có L1 tham gia trộm cắp thì L1, L2, T3 và T chỉ trộm cắp đối trọng và bánh xe nâng với thỏa thuận sẽ cân trọng lượng của đối trọng và bán với giá 6.000 đồng/kg, còn bánh xe tính theo đôi với giá dao động từ 1-2 triệu đồng/đôi.

Ngoài ra, có khoảng 7 lần chỉ có T3 và L2 cùng với T, H trộm cắp càn nâng của xe nâng (những lần này thì T3 và L2 không cho L1 biết và không chia tiền trộm cắp được cho L1) với thỏa thuận sẽ cân khối lượng càn nâng và bán với giá 6.000 đồng/kg.

Sau khi lấy được cục đối trọng, càn nâng và bánh xe nâng, H điều khiển ô tô cùng T, L1, T3 ra khu vực cân điện tử của Công ty Clark cân trọng lượng để làm căn cứ thanh toán sau này. Sau đó H cùng T mang bán cho nhiều người, khi giao dịch, T nói là tài sản do Công ty nơi T làm việc thanh lý, gồm:

- Bán cho anh Ngô Huy H1, sinh năm 1975, trú tại thôn Tứ M, xã Phùng Chí K, huyện Mỹ H, tỉnh Hưng Yên 05 lần, tổng số 184 chiếc càn nâng và 20 bánh xe nâng với mức giá từ 2 triệu đến 3 triệu đồng/đôi càn nâng hoặc đôi bánh xe nâng tùy kích thước từ bé đến lớn. Anh H1 đã bán số bánh xe nâng trên cho anh Mai Thành T4, ở huyện Từ S, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình điều tra vụ án, anh T4 đã tự nguyện giao nộp 08 bánh xe nâng, số còn lại anh T4 đã bán cho người khác. Đối với càn nâng, H1 đã bán cho nhiều người khác nhau (chưa xác định được), hiện anh H1 còn giữ 22 chiếc càn nâng và đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra;

- Bán cho anh Vũ Văn T5, sinh năm 1975, trú tại thôn Mai T, xã Tân T, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương 04 lần, tổng số 13 cục đối trọng với giá 7.000 đồng/kg;

- Bán cho chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1979, trú tại thôn Dương H, xã Minh Đ, huyện Mỹ H, tỉnh Hưng Yên 03 lần, tổng số 10 cục đối trọng với giá 7.800

đồng/kg;

- Bán cho anh Hoàng Tiến T6, sinh năm 1984, trú tại thôn Tân A, xã Phúc T, thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên 03 lần, tổng số 10 cục đôi trọng với giá 8.200 đồng/kg. Sau khi mua của H, T, anh T5, anh T6 và chị H2 đã bán lại cho người khác hết (không xác định được bán cho ai).

Khi bán, bánh xe nâng thì tính theo đôi, đôi trọng và càn nâng T báo những người mua theo khối lượng đã cân tại Công ty Clark với giá thỏa thuận như trên. Do các bên không nhớ chính xác số lượng, chủng loại nên không xác định được số tiền T đã bán được bao nhiêu. Sau khi T bán lấy tiền thanh toán cho L1, L2, T3 với giá đã thỏa thuận theo trọng lượng đã cân trước đó, T trả tiền thuê xe của Nguyễn Đình H từ 600.000 đồng đến 1.200.000 đồng/chuyến tùy xa hay gần, còn bao nhiêu T hưởng, số tiền sau khi nhận của T thì L1, L2, T3 chia đều cho nhau, nếu còn lẻ thì L1 là người cầm. Tất cả số tiền được hưởng từ việc chiếm đoạt tài sản của Công ty Clark đến nay các bị cáo đều đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 27/4/2021, 12/5/2021 và 13/5/2021, công ty Clark tiến hành kiểm kê càn nâng, đôi trọng và bánh xe nâng, đối chiếu với Phiếu kiểm kê tổng kho ngày 31/12/2020 phát hiện bị mất 790 càn nâng, 102 cục đôi trọng và 121 chiếc bánh xe nâng, tiến hành kiểm tra hệ thống camera an ninh, phát hiện các ca trực của T3, L2 bị mất điện bất thường (không có thông báo cắt điện của ngành điện) nên ngày 08/5/2021 và ngày 17/5/2021, công ty Clark có đơn trình báo đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương điều tra làm rõ.

Công ty Clark cung cấp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương kết quả rà soát về những ngày hệ thống camera an ninh của công ty bị ngắt điện không hoạt động, đối chiếu với lịch cắt điện theo thông báo của điện lực Hải Dương xác định: Từ ngày 01/3/2021 đến ngày 13/5/2021, có 32 ngày hệ thống camera an ninh của công ty không hoạt động do các bị cáo ngắt điện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (không phải do điện lực Hải Dương cắt điện luân phiên hoặc bị sự cố nên bị mất điện). Trong thời điểm này, các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Clark 184 chiếc càn nâng, 20 chiếc bánh xe nâng và 33 cục đôi trọng. Trên cơ sở thông tin về tài sản bị chiếm đoạt do công ty Clark cung cấp, lời khai của các bị cáo xác định về số lượng, chủng loại tài sản bị chiếm đoạt, đã có căn cứ xác định:

- Trong số 184 càn nâng có 52 chiếc xác định được mã tài sản gồm: 30 chiếc mã 2393671; 02 chiếc mã 2387587; 06 chiếc mã 2387583; 02 chiếc mã 2391635; 10 chiếc mã 2387522; 02 chiếc mã 2387586. Còn lại 132 chiếc càn nâng, công ty Clark không cung cấp được thông tin về mã tài sản bị chiếm đoạt.

- Đối với 20 bánh xe nâng đều xác định được mã tài sản, trong đó có 02 bánh xe nâng mã 8153692; 10 bánh xe mã 8153589; 04 bánh xe mã 8153415; 04

bánh xe mã 8153170.

- Đối với 33 cục đối trọng xe nâng, Công ty Clark không cung cấp được thông tin về mã tài sản cụ thể bị các bị cáo chiếm đoạt từng ngày.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2766 ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hải Dương kết luận: 52 càng nâng đã xác định được mã tài sản, trị giá 106.424.970 đồng; 20 bánh xe nâng trị giá 110.345.176 đồng. Đối với 132 càng nâng và 33 cục đối trọng do không xác định được mã tài sản, cũng không xác định được mỗi ngày các bị cáo chiếm đoạt bao nhiêu linh kiện, nên Hội đồng định giá đã định giá đối với từng mã càng nâng và từng mã đối trọng mà Công ty Clark nhập khẩu về để sản xuất xe nâng, trong đó: 132 càng nâng gồm 24 loại mã, mã có trị giá thấp nhất là 1.205.213 đồng/chiếc, cao nhất là 4.767.510 đồng/chiếc; 33 cục đối trọng gồm 17 loại mã, trong đó mã có giá trị thấp nhất là 18.150.025 đồng/cục, cao nhất là 44.394.757 đồng/cục.

Đối chiếu với kết quả kiểm kê tài sản bị chiếm đoạt của công ty Clark, đối với 132 chiếc càng nâng bị chiếm đoạt không xác định được mã cụ thể được tính áp mã theo giá trị đã được định giá từ loại mã càng nâng có giá trị thấp nhất trở lên gồm: 08 càng nâng mã 2387521, trị giá 1.205.213 đồng/chiếc; 52 càng nâng mã 2387522, trị giá 1.367.182 đồng/chiếc; 84 càng nâng mã 2387510, trị giá 1.427.929 đồng/chiếc. Tổng giá trị 132 chiếc càng nâng này là 183.546.056 đồng. Đối với 33 cục đối trọng, với phương pháp áp mã tương tự để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, xác định: 02 đối trọng mã 8014062 trị giá 18.150.025 đồng/cục; 01 đối trọng mã 8014084 trị giá 19.513.473 đồng/cục; 02 đối trọng mã 815076, trị giá 19.672.527 đồng/cục; 03 đối trọng mã 8014063, trị giá 21.848.388 đồng/cục; 08 đối trọng mã 8141093 trị giá 24.036.392 đồng/cục; 17 đối trọng mã 8141097, trị giá 25.446.718 đồng/cục. Tổng giá trị của 33 cục đối trọng là 785.589.083 đồng.

Tổng giá trị tài sản của công ty Clark bị các bị cáo chiếm đoạt là 1.185.905.285 đồng, trong đó: 184 càng nâng trị giá 289.971.026 đồng, 33 cục đối trọng trị giá 785.589.083 đồng; 20 bánh xe nâng trị giá 110.345.176 đồng.

Như vậy Phạm Văn T, Phạm Văn T3, Vũ Thị L2, Phạm Văn T và Nguyễn Đình H đã chiếm đoạt 33 cục đối trọng, 20 bánh xe nâng, 184 càng nâng của Công ty Clark với tổng trị giá 1.185.905.285 đồng. Trong đó: T, T3, L2 chiếm đoạt tài sản trị giá 1.185.905.285 đồng; L1 cùng T, T3, L2 chiếm đoạt tài sản trị giá 895.934.259 đồng. Đối với Nguyễn Đình H trực tiếp lái xe nâng giúp cho T, L1, L2, T3 đưa càng nâng, đối trọng từ sân công ty lên thùng xe tải và điều khiển xe ô tô chở T cùng tài sản trộm cắp được từ Công ty Clark mang về nhà H cất giấu và mang đi bán, tài sản H cùng các bị cáo chiếm đoạt gồm: 184 càng nâng, 33 cục đối trọng và 12 bánh xe nâng, tổng trị giá 1.137.198.949 đồng (do

lần cuối cùng T không thuê H mà T cùng L1, T3, L2 trộm cắp tài sản và dùng xe mô tô kéo xe cải tiến chở 08 cái bánh xe nâng và một mình T mang đi bán).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 02 cẩu nâng mã 2387587; 06 cẩu nâng mã 2387583; 02 cẩu nâng mã 2391635; 10 cẩu nâng xe nâng mã 2387522; 02 cẩu nâng mã 2387586 do anh Ngô Huy H1 giao nộp ngày 25/6/2021; 04 bánh xe nâng, loại SOLIDEAL 7.00-12; 04 bánh xe nâng, loại SOLIPRO 700(6.50-10 5.00F.), 04 ảnh kích thước 9x12, trong đó: 01 ảnh chụp có hình ảnh 01 kiện gồm 30 chiếc cẩu nâng được buộc dây nguyên kiện, có kẹp phiếu đề tên Clark Material Handling Việt Nam, mã 2393671, 01 ảnh chụp hóa đơn mua bán ghi “28x9-15 số lượng 01 đôi”, “650-10 số lượng 03 đôi”, “700-12 số lượng 02 đôi”, 01 ảnh chụp phiếu kẹp kèm kiện cẩu nâng đề tên Clark Material Handling Viet Nam Co, Ltd, Case No: 4-7 2393671, 01 ảnh chụp lốp loại SOLIDPRO 700 6.50-10 5.00F do anh Mai Thành T4 giao nộp ngày 11/7/2021. Ngày 28/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã trả lại 22 chiếc cẩu nâng, 08 cái bánh xe nâng trên cho đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Đinh Cảnh D1, sinh năm 1983, HKTT tại 3/79 Thống N, phường Lê Thanh N, thành phố Hải D là đúng quy định của pháp luật, còn 04 ảnh kích thước 9x12 do anh Tân giao nộp cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

Ngày 24/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng và tiến hành truy tìm tang vật còn lại của vụ án nhưng đến nay chưa có kết quả. Chiếc đèn pin và điện thoại của Phạm Văn T, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình L1 và Vũ Thị L2 dùng để liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội, hiện đều đã bị mất, chiếc xe cải tiến kéo bằng xe máy không có Biển kiểm soát của T dùng để chở tài sản chiếm đoạt của Công ty Clark hiện T đã bán cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 2.000.000 đồng nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương không quản lý được.

Đối với hình ảnh dữ liệu điện tử tại 02 USB chứa dữ liệu video do Công ty Clark giao nộp ngày 15/6/2021 có hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo tại công ty Clark đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập, đã trưng cầu giám định, cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Trước khi mở phiên tòa, Công ty Clark yêu cầu Công ty dịch vụ Bảo vệ Ba Sao và các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tài sản Công ty bị mất là 5.855.124.000 đồng (Giá trị tại thời điểm ngày 07/01/2021 là 5.300.316.000 đồng + thuế VAT 10% = 530.031.600 đồng).

Quá trình điều tra, các bị cáo L1, L2, T3, T và H đều khai nhận hành vi như nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 06/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với cả 5 bị cáo; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H, L2, T3, T. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L2, T3 và H.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 288, 357, 584, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình L1, Vũ Thị L2, Phạm Văn T3, Phạm Văn T và Nguyễn Đình H phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L1 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

- Xử phạt Vũ Thị L2 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

- Xử phạt Phạm Văn T3 13 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2022, các bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Văn T, Nguyễn Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Sau đó bị cáo Phạm Văn T3 đã có văn bản rút kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 58/2022/HSPT-QĐ ngày 25/8/2022 đối với kháng cáo của bị cáo T3.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo Phạm Văn T trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Bị cáo chỉ là người mua bán sắt vụn và là người giúp sức (đồng phạm), nên mức hình phạt của bị cáo phải nhẹ hơn các bị cáo có vai trò đầu vụ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp số tiền truy thu 2.000.000 đồng; nộp khắc phục hậu quả 260.162.030 đồng, nộp án phí dân sự 13.008.101 đồng, nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Tổng cộng là 275.370.131 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo kêu oan sau đó thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản án sơ thẩm và thay đổi kháng cáo đề

ngị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Mức án như quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là quá nặng, bị cáo chỉ là người chở thuê (một số chuyến chở ban đầu bị cáo không biết là tài sản trộm cắp) và bị cáo chỉ là người chở thuê để lấy tiền công, tiền xăng xe.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung:

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T: Bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã khắc phục được số tiền bồi thường dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cùng số tiền truy thu sung quỹ Nhà nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được xem xét áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo kêu oan, quanh co không nhận tội. Tuy nhiên, sau đó bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này bị cáo H là người lái xe chở tài sản trộm cắp có vai trò thấp nhất trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo T trình bày luận cứ: Bị cáo T đã khắc phục toàn bộ hậu quả đối với phần của bị cáo cũng như bị cáo có ý thức nộp tiền án phí, tiền truy thu. Bị cáo T không phải là người của Công ty (bị trộm cắp tài sản) mà là người mua bán sắt vụn do ham lợi nên có hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo nhiều hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo H trình bày luận cứ: Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại tòa phúc thẩm bị cáo kêu oan (không biết mình có tội hay không có tội), nhưng sau đó bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định được thời điểm (chuyến thứ bao nhiêu thì bị cáo mới biết mình chở hàng do trộm cắp mà có), đến nay thì xác định 10 chuyến đầu bị cáo không biết là do trộm cắp mà có để quyết định hình phạt cũng như bị cáo T thuê bị cáo H chở hàng thì giữa hai bị cáo không biết nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

vai trò của bị cáo (là người chở hàng) để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt, nếu có căn cứ thì trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Bị cáo T nhất trí luận cứ của người bào chữa.

- Bị cáo H nhất trí luận cứ của người bào chữa và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H phù hợp với lời khai của các bị cáo có kháng cáo và các bị cáo không có kháng cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, phù hợp với hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 3/2021 đến 13/5/2021, Nguyễn Đình L1, Vũ Thị L2, Phạm Văn T3 là bảo vệ của Công ty dịch vụ bảo vệ Ba S được phân công nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty Clark; Vũ Thị L2 đã ngắt điện hệ thống Camera an ninh của Công ty Clark, ngồi cổng cảnh giới để L1, T3 cùng với Phạm Văn T là người thu mua sắt vụn và thuê Nguyễn Đình H dùng xe ô tô tải BKS 34C-100.65 đến chiếm đoạt các thiết bị sản xuất xe nâng của Công ty Clark gồm: 33 cục đối trọng, 20 bánh xe nâng, 184 chiếc cang nâng đem bán lấy tiền chia nhau tiêu sài cá nhân.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Clark có giá trị 1.185.905.285 đồng. Trong vụ án này, các bị cáo lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý hàng hóa của công ty, khi hết giờ hành chính Công ty không còn ai chỉ còn các bị cáo là bảo vệ ca trực nên đã vào sân của Công ty Clark lấy các linh kiện sản xuất xe nâng mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại đến quyền sở hữu về tài sản của Công ty Clark, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi, nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Đình L1, Vũ Thị L2, Phạm Văn T3, Phạm Văn T và Nguyễn Đình H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo L1 là người khởi xướng, đề xuất và trực tiếp chỉ đạo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; L1 và L2 trực tiếp đi tìm T mua hàng, T là người thực hành tích cực, thuê xe ô tô, trực tiếp vào cùng bị cáo T3 và L1 lấy tài sản, trực tiếp mua bán tài sản trộm cắp, được hưởng lợi số tiền nhiều nhất; còn L2 làm nhiệm vụ cảnh giới, tắt điện và mở cổng; T3 là người thực hành tích cực, trực tiếp chỉ chỗ cho T, H lấy tài sản đưa lên xe tải; L2, T3 còn cùng T, H lấy trộm toàn bộ số cang nâng (L1 không tham gia); H là người lái xe tải được T thuê đến chở các tài sản trộm cắp, biết đó là tài sản trộm cắp, trực tiếp lái xe nâng đưa các tài sản và cùng T mang tài sản trộm cắp được đem đi bán. H không tham gia lần lấy trộm 08 cái bánh xe nâng xe giữ vai trò đồng phạm sau cùng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Clark 15 lần, từng lần chiếm đoạt đều cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản”, do vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 5 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Sau khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Đình H, Phạm Văn T3, Vũ Thị L2 và Phạm Văn T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho công ty Clark số tiền 50.000.000 đồng/01 bị cáo nên các bị cáo H, T3, T và L2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự nguyện bồi thường thiệt hại”. Bị cáo Vũ Thị L2 có bố đẻ là ông Vũ Xuân T7 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Phạm Văn T3 có bố đẻ là ông Phạm Văn D2 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Nguyễn Đình H có bố đẻ là ông Nguyễn Đình C được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Kỷ niệm kháng chiến, Huy hiệu chiến sỹ Điện Biên Phủ nên bị can L2, T3 và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo T không xác định được người mua ở Gia Lâm dẫn đến Cơ quan điều tra phải tách 3 hành vi trộm cắp ra xử lý sau nên không có căn cứ chấp nhận tình tiết điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS (tích cực hợp tác với cơ quan có trách

nhệm trong việc giải quyết vụ án).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tăng nặng của các bị cáo; cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[7] Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Văn T và Nguyễn Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Văn T3 đã rút kháng cáo trước khi Tòa án cấp phúc thẩm đưa vụ án ra xét xử, do đó Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T3 theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H:

[8.1] Đối với bị cáo Phạm Văn T: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo trình bày, bị cáo là người mua bán sắt vụn và chỉ là người giúp sức (đồng phạm), nên mức hình phạt của bị cáo phải nhẹ hơn các bị cáo có vai trò đầu vụ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp số tiền truy thu 2.000.000 đồng; nộp khắc phục hậu quả 260.162.030 đồng, nộp án phí dân sự 13.008.101 đồng, nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Tổng cộng là 275.370.131 đồng. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo T là người mua bán sắt vụn nhưng bị cáo trực tiếp cùng các bị cáo lén lút lấy tài sản của Công ty Clark và mang đi tiêu thụ, nên hành vi của bị cáo là thực hiện tích cực. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khắc phục được toàn bộ tài sản (theo phần) cũng như nộp tiền truy thu và án phí là thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng Điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo và chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng có mức độ và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[8.2] Bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo kêu oan sau đó thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản án sơ thẩm và thay đổi kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Mức án như quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là quá nặng, bị cáo chỉ là người chở thuê (một số chuyến chở ban đầu bị cáo không biết là hàng trộm cắp) và bị cáo chỉ là người chở thuê để lấy tiền công, tiền xăng xe. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thời điểm nào (lần vận chuyển hàng lần thứ mấy và cụ thể là lần thứ 10) thì mới biết là tài sản vận chuyển là trộm cắp để xem xét theo đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét

xử thấy, đến thời điểm bị cáo H phát hiện việc vận chuyển hàng hóa là trộm cắp, nhưng bị cáo sau đó tiếp tục thực hiện hành vi chở hàng trộm cắp và tham gia bốc dỡ hàng trộm cắp và chở đi cùng bị cáo T để tiêu thụ. Do đó, bị cáo bị kết tội “Trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm và Tòa án cấp sơ thẩm xếp vai trò cho bị cáo là thấp nhất là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không được hưởng lợi tài sản trộm cắp mà chỉ được trả công chở hàng trộm cắp, nên Hội đồng xét xử xem xét với vai trò của bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt dưới khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung và phù hợp với một phần theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[8.3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2021.

2. Xác nhận bị cáo Phạm Văn T đã nộp 260.162.030 đồng tiền bồi thường, 13.008.101 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000794 ngày 08/9/2022 và 2.000.000 đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước tại Biên lai thu tiền số 0000795 ngày 08/9/2022 đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Đình H không

phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- THADS tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo (qua trại giam);
- Bị hại, người tham gia tố tụng (theo địa chỉ)
- Lưu: Phòng HC-TP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng